

Số: 25 /2015/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 24 tháng 12 năm 2015

- Sao LHS
- Ng CA, PKH
- PCT Mai Hng

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện
Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên**

SỞ CÔNG THƯƠNG HUNG YÊN
CÔNG VĂN BẢN
Số: 25/2015/QĐ-UBND
Ngày: 24 tháng 12 năm 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2013;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1009/TTr-SCT ngày 09/10/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục XTTM-Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- TT Tin học-Công báo;
- Lưu: VT, TH^P.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Đặng Minh Ngọc

Đặng Minh Ngọc

QUY CHẾ

Xây dựng quản lý và thực hiện

Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2015/QĐ-UBND ngày /12/ 2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị chủ trì thực hiện chương trình (sau đây gọi tắt là Đơn vị chủ trì) và các đơn vị tham gia thực hiện chương trình, các cơ quan quản lý Chương trình và cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ.

Điều 2. Mục tiêu chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại (sau đây viết tắt là XTTM), phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ của tỉnh Hưng Yên.

2. Hỗ trợ công tác quy hoạch; vận hành hệ thống hạ tầng thương mại tỉnh Hưng Yên.

3. Nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ cá thể (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) trên địa bàn tỉnh.

4. Gắn kết, lồng ghép các hoạt động XTTM với hoạt động đầu tư và du lịch của tỉnh.

Điều 3. Đơn vị chủ trì thực hiện chương trình

1. Đơn vị chủ trì gồm: Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thuộc Sở Công Thương; các hội, hiệp hội ngành hàng, các tổ chức liên quan trong tỉnh có đề án XTTM đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu và tiêu chí của chương trình quy định tại Quy chế này và được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có tư cách pháp nhân.

b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện chương trình.

c) Nắm rõ nhu cầu XTTM của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ cá thể.

d) Có kế hoạch phát triển ngành hàng cụ thể của địa phương.

- d) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động XTTM.
- e) Có đầy đủ hồ sơ đề xuất chương trình theo đúng quy định và được Sở Công Thương thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.
- f) Thực hiện Chương trình mang lại lợi ích cho cộng đồng doanh nghiệp, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Các đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ theo quy định của Quy chế này để triển khai thực hiện chương trình; có trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 4. Đơn vị tham gia thực hiện chương trình

1. Đơn vị tham gia thực hiện chương trình bao gồm các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trực tiếp thực hiện nội dung các đề án được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Quy chế này; chịu trách nhiệm nâng cao hiệu quả các đề án XTTM mà doanh nghiệp tham gia.

2. Các doanh nghiệp tham gia thực hiện chương trình phải đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- a) Hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- b) Có văn bản đề nghị tham gia kèm theo đề án XTTM gửi đơn vị chủ trì thực hiện chương trình trong thời hạn quy định.
- c) Ưu tiên hỗ trợ đơn vị tham gia chương trình là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp mới thành lập; sản xuất, kinh doanh sản phẩm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu; sản xuất, kinh doanh sản phẩm truyền thống, đặc sản của tỉnh; sản phẩm có thương hiệu hoặc có sản phẩm đạt giải cấp tỉnh, cấp khu vực và cấp quốc gia, có nhu cầu quảng bá sản phẩm mới.

Điều 5. Cơ quan quản lý nhà nước về chương trình

Sở Công Thương là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý chương trình và thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị liên quan phổ biến định hướng phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các đề án phát triển ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2. Chủ trì, hướng dẫn các đơn vị thực hiện chương trình đề xuất xây dựng chương trình XTTM hàng năm theo quy định tại Quy chế này trình UBND tỉnh phê duyệt;

3. Quy định tiêu chí đối với đề án XTTM phù hợp mục tiêu, yêu cầu của chương trình;

4. Đánh giá, thẩm định, tổng hợp các đề án XTTM để tổng hợp vào chương trình XTTM hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt;

5. Tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án XTTM thuộc chương trình;

6. Quản lý kinh phí XTTM của tỉnh, phối hợp quản lý kinh phí thuộc chương trình XTTM quốc gia thực hiện tại địa phương;

7. Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện chương trình XTTM báo cáo UBND tỉnh, Bộ Công Thương theo quy định.

Điều 6. Kinh phí thực hiện chương trình

1. Kinh phí thực hiện chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

a) Ngân sách trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình XTTM quốc gia thực hiện tại địa phương.

b) Ngân sách tỉnh phân bổ theo kế hoạch hàng năm.

c) Đóng góp của các đơn vị tham gia chương trình.

d) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

đ) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho chương trình theo nguyên tắc:

a) Kinh phí thực hiện chương trình được phân bổ trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hàng năm của Sở Công Thương. Kinh phí XTTM do ngân sách tỉnh cấp chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch được chuyển nguồn để sử dụng trong năm tiếp theo.

b) Kinh phí hỗ trợ đơn vị tham gia chương trình được cấp thông qua đơn vị thực hiện chương trình.

c) Không áp dụng mức hỗ trợ đối với các nội dung đã được chương trình XTTM quốc gia hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Đơn vị thực hiện chương trình và các đơn vị tham gia chương trình phải bảo đảm sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả; chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành và theo Quy chế này.

Điều 7. Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại

1. Sở Công Thương xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí XTTM và tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của sở, trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Sau khi được UBND tỉnh giao kế hoạch và Sở Tài chính thông báo dự toán chi ngân sách nhà nước cho chương trình, Sở Công Thương tiến hành xây dựng chương trình theo nguyên tắc tổng kinh phí hỗ trợ để thực hiện các đề án của chương trình không vượt quá tổng dự toán được giao, gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Căn cứ quyết định phê duyệt chương trình của UBND tỉnh, Sở Công Thương Quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chương trình cho từng đơn vị thực hiện chương trình; ký hợp đồng, kiểm tra, giám sát và thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ với đơn vị thực hiện chương trình.

4. Sở Công Thương thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí XTTM theo quy định.

Chương II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 8. Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí đối với chương trình xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu và mức hỗ trợ

1. Thông tin thương mại, nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu các thị trường xuất khẩu trọng điểm theo ngành hàng.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 70%, nhưng tối đa không quá 1,5 triệu đồng/01 đơn vị đăng ký và nhận thông tin đối với các khoản chi phí:

- Chi phí mua tư liệu;
- Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu: Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;
- Chi phí xuất bản, phát hành.

2. Tuyên truyền xuất khẩu

a) Quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý nổi tiếng của vùng, miền ra thị trường nước ngoài.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 70% chi phí theo hợp đồng, bao gồm:

- Chi phí sản xuất, xây dựng kế hoạch, nội dung truyền thông;
- Chi phí sản xuất, xuất bản, phát hành trong nước và nước ngoài để giới thiệu, quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý.

b) Mời đại diện cơ quan truyền thông nước ngoài đến Hưng Yên để viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí, truyền thanh, truyền hình, internet nhằm quảng bá cho xuất khẩu theo hợp đồng trọn gói.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 70% chi phí sản phẩm truyền thông hoàn thành (bộ phim đã phát sóng, bài viết đã đăng ...).

3. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài.

a) Hợp đồng trọn gói với chuyên gia tư vấn

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 70% chi phí sản phẩm tư vấn hoàn thành.

b) Tổ chức cho chuyên gia trong và ngoài nước gặp gỡ, phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100%, nhưng tối đa không quá 02 triệu đồng/01 đơn vị tham gia đối với các chi phí thuê hội trường, thiết bị, trang trí, tài liệu, biên dịch, phiên dịch; phương tiện đi lại cho chuyên gia.

4. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% cho đối tượng là doanh nghiệp, hợp tác xã; hỗ trợ 100% cho đối tượng là các tổ chức xúc tiến thương mại do Nhà nước quản lý và cán bộ, công chức, viên chức tham gia.

Nội dung trên bao gồm các khoản chi: Chi phí thuê giảng viên, thuê lớp học, thuê thiết bị giảng dạy (nếu có), tài liệu cho học viên (thực hiện theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định

việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức) hoặc học phí trọn gói của khóa học phải được ký kết hợp đồng với các cơ sở đào tạo có đủ năng lực, kinh nghiệm về khả năng giảng dạy theo yêu cầu của công tác đào tạo.

5. Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại

a) Tổ chức, tham gia hội trợ triển lãm tại nước ngoài

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức, tham gia gồm: Chi phí gian hàng, trang trí tổng thể khu vực gian hàng của tỉnh, tổ chức lễ khai mạc, tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm, công tác phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì đi nước ngoài thực hiện công tác tổ chức, hỗ trợ mỗi đơn vị 01 người; hỗ trợ công tác phí cho 01 người của đơn vị chủ trì đi theo đoàn thực hiện công tác tổ chức đối với đoàn có dưới 04 đơn vị; hỗ trợ 02 người cho đoàn có từ 04 đến 07 đơn vị; hỗ trợ 03 người cho đoàn có từ 08 đến 11 đơn vị và 04 người cho đoàn có từ 12 đơn vị trở lên, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/01 đơn vị tham gia.

b) Tổ chức hội chợ triển lãm định hướng xuất khẩu tại Việt Nam

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50%, nhưng tối đa không quá 12 triệu đồng/01 đơn vị tham gia đối với các khoản chi phí: Chi phí vận chuyển; chi phí thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; dịch vụ phục vụ: Điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ; tổ chức khai mạc, bế mạc, hội thảo trong các trường hợp sau:

- Hội chợ triển lãm đa ngành có quy mô tối thiểu 200 gian hàng tiêu chuẩn và 100 doanh nghiệp tham gia;
- Hội chợ triển lãm chuyên ngành có quy mô tối thiểu 150 gian hàng tiêu chuẩn và 75 doanh nghiệp tham gia;

c) Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, quảng bá và mời khách đến giao dịch khi tổ chức các hội chợ, triển lãm nêu tại điểm này.

6. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài

Hỗ trợ 100% chi phí, gồm:

- 01 vé máy bay khứ hồi/01 đơn vị tham gia;
- Tổ chức hội thảo giao thương: Thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, phiên dịch, tài liệu;
- Tuyên truyền, quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch;
- Công tác phí cho cán bộ tổ chức chương trình: Hỗ trợ công tác phí cho 01 người đối với đoàn có dưới 04 đơn vị; hỗ trợ 02 người cho đoàn có từ 04 đến 07 đơn vị; hỗ trợ 03 người cho đoàn có từ 08 đến 11 đơn vị và 04 người cho đoàn có từ 12 đơn vị trở lên.

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại khoản này là 40 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Á; 60 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 100 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La tinh.

7. Tổ chức hoạt động xúc tiến tổng hợp (thương mại kết hợp đầu tư và du lịch): Hỗ trợ 70% chi phí tổ chức hoạt động xúc tiến tổng hợp nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ của tỉnh ra nước ngoài; đồng thời, thu hút

đầu tư khách du lịch nước ngoài đến Hưng Yên theo nội dung cụ thể quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều này.

8. Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài đến tỉnh Hưng Yên: Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài đến Hưng Yên giao dịch mua hàng (gồm chi phí đón tiếp đoàn doanh nghiệp nước ngoài; công tác phí cho cán bộ tổ chức chương trình; tuyên truyền, quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch; các khoản chi khác (nếu có).

9. Các hoạt động xúc tiến thương mại đã thực hiện và có hiệu quả trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí (nếu hoạt động này chưa được hỗ trợ trong chương trình xúc tiến thương mại quốc gia), bao gồm: 01 vé máy bay khứ hồi/01 đơn vị tham gia; chi phí ăn, ở; chi phí tham gia gian hàng hội chợ triển lãm nhưng mức hỗ trợ tối đa với nội dung này không quá 200 triệu đồng/01 đơn vị tham gia.

10. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác và mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 9. Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí đối với chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước và mức hỗ trợ

1. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp nông thôn, giới thiệu sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam đến người tiêu dùng của tỉnh và của doanh nghiệp Hưng Yên tại các tỉnh:

a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50%, nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/01 đơn vị tham gia đối với các khoản chi phí:

- Chi phí vận chuyển;
- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;
- Dịch vụ phục vụ: Điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng);
- Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm;
- Trang trí chung của hội chợ triển lãm;
- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị;
- Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu hội chợ triển lãm.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% các chi phí thực hiện gian hàng chung của tỉnh tham gia hội chợ triển lãm thương mại bao gồm: Chi phí vận chuyển, thuê mặt bằng gian hàng, trang trí gian hàng và công tác phí cho cán bộ thực hiện chương trình;

Mức hỗ trợ đối với nội dung này áp dụng do Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại thực hiện.

2. Tổ chức các hoạt động bán hàng, thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị thông qua các doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng trên địa bàn tỉnh.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 70%, nhưng tối đa không quá 105 triệu đồng/01 đợt

bán hàng đối với các khoản chi phí:

- Chi phí vận chuyển;
- Chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng;
- Dịch vụ phục vụ: Điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ;
- Trang trí chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng;
- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;
- Chi phí quản lý, nhân công phục vụ;
- Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng;

3. Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm:

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100%, nhưng tối đa không quá 01 triệu đồng/01 đơn vị đăng ký và nhận thông tin đối với các khoản chi phí:

- Chi phí mua tư liệu;
- Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu: Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;
- Chi phí xuất bản, phát hành;

4. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hoá và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí thực hiện nội dung sản phẩm truyền thông và phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhưng tối đa không quá 95 triệu đồng/01 chuyên đề tuyên truyền.

5. Hỗ trợ công tác quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại: Hỗ trợ 50% các khoản chi phí (nếu chưa được nhà nước cấp kinh phí) liên quan đến công tác lập quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại, mua tư liệu nghiên cứu tham khảo, nhưng tối đa không quá 175 triệu đồng/01 cụm, điểm quy hoạch.

6. Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước: Tháng khuyến mại, tuần hàng Việt Nam, chương trình hàng Việt, chương trình giới thiệu sản phẩm mới, chương trình giới thiệu các sản phẩm đặc trưng của tỉnh: Hỗ trợ 50% các khoản chi theo nội dung cụ thể tại hợp đồng thực hiện đề án, trong phạm vi chi phí đã quy định tại các Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 6 Thông tư 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính.

7. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khoá đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân

ngiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước.

- Hỗ trợ 100% các khoản chi.

Nội dung các khoản chi phí: Thuê giảng viên, lớp học, thiết bị giảng dạy (nếu có), tài liệu cho học viên (thực hiện theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức) hoặc học phí trọn gói của khóa học phải được ký hợp đồng với các cơ sở đào tạo có đủ năng lực, kinh nghiệm về khả năng giảng dạy theo yêu cầu của công tác đào tạo.

Chương III

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 10. Xây dựng chương trình, đề án xúc tiến thương mại

1. Các đơn vị thực hiện chương trình gửi bản đăng ký hoạt động XTTM (qua Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại) đến Sở Công Thương trước ngày 15/8 hàng năm. Sở Công Thương thẩm định, tổng hợp vào kế hoạch, dự toán năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Sau khi kế hoạch năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Công Thương chỉ đạo các đơn vị chủ trì thực hiện chương trình, đơn vị tham gia thực hiện chương trình, lập đề án XTTM chi tiết, tổng hợp thành chương trình gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Các đề án XTTM phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp;
- b) Phù hợp với định hướng chiến lược phát triển kinh tế của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Phù hợp với nội dung chương trình quy định tại Điều 8, Điều 9 Quy chế này;
- d) Đảm bảo tính khả thi về phương thức triển khai; thời gian, tiến độ triển khai; nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật;

4. Sở Công Thương chịu trách nhiệm công bố công khai nội dung chương trình đã được UBND tỉnh phê duyệt trên website của sở để các đơn vị biết, đăng ký tham gia.

Điều 11. Điều chỉnh và chấm dứt thực hiện đề án

Đề án XTTM được xem xét điều chỉnh, chấm dứt thực hiện trong những trường hợp sau:

1. Các đơn vị chủ trì thực hiện chương trình gửi văn bản báo cáo lý do và kiến nghị phương án điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện đề án XTTM gửi Sở Công Thương, trường hợp cần thay đổi nội dung đề án để phù hợp với yêu cầu và tình hình cụ thể, Sở Công Thương trình UBND tỉnh quyết định điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện đề án.

2. Đơn vị chủ trì thực hiện chương trình không thực hiện đúng mục tiêu,

nội dung, tiến độ của đề án đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung đề án không còn phù hợp, Sở Công Thương xem xét, báo cáo UBND tỉnh quyết định chấm dứt việc thực hiện đề án.

Sau khi có quyết định điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện đề án, Sở Công Thương có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh điều chuyển kinh phí để bổ sung cho các nội dung khác đã được phê duyệt (có nhu cầu phát sinh tăng kinh phí) hoặc các nội dung mới.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố

1. Sở Công Thương chủ trì triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát đảm bảo chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ, hiệu quả và theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước; không tiếp nhận việc đăng ký thực hiện chương trình trong năm tiếp theo đối với các đơn vị thực hiện chương trình, đơn vị tham gia chương trình vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm và các quy định tại Quy chế này;

2. Sở Tài chính tổ chức thẩm định chương trình theo đề nghị của Sở Công Thương trình UBND tỉnh phê duyệt; thẩm định và xét duyệt báo cáo quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành;

3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thành phố theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương thực hiện cơ chế hỗ trợ, khuyến khích đẩy mạnh hoạt động XTTM của tỉnh, thông báo nội dung Quy chế này đến các doanh nghiệp thuộc đơn vị mình quản lý biết, thực hiện.

Điều 13. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì thực hiện chương trình

1. Tổ chức thực hiện đề án đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán được duyệt; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm về các nội dung chi theo đúng chế độ quản lý tài chính của Nhà nước và Quy chế này.

2. Đối với nội dung đề án có nhiều đơn vị tham gia chương trình, đơn vị thực hiện chương trình có trách nhiệm phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung của đề án.

3. Có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp các tiêu chí đã cam kết trong đề án. Nội dung tham gia của doanh nghiệp phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.

4. Đình chỉ tham gia thực hiện chương trình năm kế tiếp trong trường hợp đơn vị tham gia chương trình không báo cáo kịp thời khả năng không thực hiện được đề án đã đăng ký thực hiện trong năm cho đơn vị thực hiện chương trình.

5. Đơn vị chủ trì thực hiện chương trình có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá kết quả thực hiện đề án về Sở Công Thương chậm nhất sau 15 ngày

kể từ ngày kết thúc các nội dung của đề án; định kỳ gửi báo cáo tình hình thực hiện đề án về Sở Công Thương (báo cáo 6 tháng trước ngày 31/7, báo cáo năm trước ngày 31/12).

6. Sở Công Thương theo dõi, tổng hợp việc thực hiện chương trình XTTM hàng năm và báo cáo UBND tỉnh, các cơ quan liên quan trước ngày 31/01 của năm sau.

Điều 14. Trách nhiệm của đơn vị tham gia thực hiện chương trình

1. Tổ chức thực hiện theo đúng nội dung đã đăng ký.
2. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện đề án XTTM; chịu trách nhiệm trước pháp luật về các tài liệu, thông tin đã cung cấp; chấp hành các chế độ báo cáo, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền đối với khoản kinh phí được hỗ trợ.

Điều 15. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý, sử dụng kinh phí XTTM của tỉnh đạt hiệu quả sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định.
2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, gian lận để được hưởng các khoản hỗ trợ từ chương trình XTTM theo Quy chế này thì phải hoàn trả và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; các đơn vị thực hiện chương trình, đơn vị tham gia chương trình phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Đặng Minh Ngọc